

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 20/2025/DS-ST
Ngày: 21-01-2025
V/v tranh chấp hợp đồng góp hui

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Rỡ

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đoàn Trí Thiện
- Bà Nguyễn Thuý Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Linh Thi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Thi – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 745/2024/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng góp hui theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1987 (có mặt)

Nơi cư trú: Số E, tổ A, ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1973 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ C, ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1991 (vắng mặt)

2. Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: Số E, tổ A, ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

3. Cháu Huỳnh Thị Bích N, sinh năm 2012;

Nơi cư trú: Số E, tổ A, ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của cháu N là chị Nguyễn Thị B (là nguyên đơn trong vụ án).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:

Do mối quan hệ quen biết nên tôi có tham gia chơi 02 dây hội do bà Nguyễn Thị Thùy T làm chủ, cụ thể:

Dây hội 1: Dây hội 2.000.000 đồng/tháng, gồm 25 phần, khởi khai ngày 06/02/2023^{al}, tôi tham gia 01 phần với tên “Bích” tại vị trí số 14 trong sổ hội. Từ khi hội khai lần đầu tiên đến lần khai thứ 13 vào ngày 06/3/2024^{al} thì sau đó bà T tuyên bố úp không tiếp tục khai hội cho đến nay. Dây hội trên chưa mãn hội còn 12 thành viên. Vì vậy, dây hội này bà T còn nợ tôi số tiền hội vốn mà tôi đã đóng 13 lần tổng cộng là 26.000.000 đồng;

Dây hội 2: Dây hội 2.000.000 đồng/tháng, gồm 22 phần, khởi khai ngày 20/07/2023^{al}, tôi tham gia 02 phần với tên “B và N” trong sổ hội (tên thường gọi là B hoặc N, mẹ N). Từ khi hội khai lần đầu tiên đến lần thứ 8 thì ngày 06/3/2024^{al} bà T tuyên bố úp hội không tiếp tục khai cho đến nay. Vì vậy, dây hội này bà T còn nợ tôi số tiền hội vốn mà tôi đã đóng tổng cộng là 32.000.000 đồng;

Như vậy, tổng số tiền hội mà bà Nguyễn Thị Thùy T còn nợ tôi là 26.000.000 đồng + 32.000.000 đồng = 58.000.000 đồng. Tuy nhiên đến ngày 16/3/2024^{al} bà T đã trả cho tôi được số tiền là 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng) thì ngưng trả đến nay, tôi có đòi nhiều lần nhưng bà T chỉ hứa.

Số tiền 17.000.000 đồng tôi nhận từ bà T cụ thể là bà T đưa tiền trực tiếp cho tôi 11.000.000 đồng vào ngày 29/02/2024 âm lịch, tôi thiếu bà T 4.000.000 đồng tiền hội chết của dây hội khác nên trừ vào nợ hội này; 2.000.000 đồng tôi nhận tiền của bà Phan Thị Tuyết L, sinh năm 1981 nhà đối diện nhà tôi do bà L thiếu bà T nên bà L trả tôi để cản trừ nợ với bà T.

Do đó, tôi làm đơn khởi kiện này yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Thùy T phải có trách nhiệm thanh toán dứt điểm cho tôi số tiền hội còn lại 39.000.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện tôi yêu cầu bà T trả 43.000.000 đồng, nay tôi xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 4.000.000 đồng, chỉ yêu cầu bà T trả lại tiền hội 39.000.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy T trình bày: Tôi bắt đầu làm chủ hội từ năm 2013. Ông nội của chồng tôi và ông nội của mẹ B là hai anh em ruột. B gọi tôi là mợ. Trước đây mẹ của B có tham gia hội của tôi làm chủ, sau đó tôi không nhớ năm nào B bắt đầu tham gia hội của tôi, những dây hội trước đây tôi và B đã thanh toán đầy đủ. Đến năm 2023 Bích tham gia hội do tôi làm chủ, loại hội hoa

hồng đến kỳ mở hội ai là người trả lãi cao nhất thì được hốt hội, chủ hội có trách nhiệm thu tiền của các hội viên khác giao cho hội viên được hốt và chủ hội được hưởng một phần tiền hoa hồng theo thỏa thuận với hội viên được hốt, nếu có hội viên nào không góp hội thì chủ hội có nghĩa vụ nộp thay cho hội viên đó và hội viên này sẽ trả lại cho chủ hội.

Bích tham gia 02 dây hội cụ thể như sau:

Dây hội ngày 06/02/2023 âm lịch (sau), hội 2.000.000 đồng/phần, mỗi tháng mở hội 1 lần, dây hội có 25 phần, loại hội hoa hồng. Bích tham gia 01 phần, trong danh sách hội tên “Bích” tại vị trí số 14. Sau khi tham gia hội, B châu tiền hội đầy đủ 12 lần, vốn gốc là 15.020.000 đồng thì tôi ngưng hội vào tháng 02/2024 âm lịch.

Dây hội ngày 20/7/2023 âm lịch, hội 2.000.000 đồng/phần, mỗi tháng mở hội 1 lần, dây hội có 22 phần, loại hội hoa hồng. B tham gia 02 phần (B nói là chơi dùm cho em tên T1 và M nhưng trong danh sách con tôi ghi tên là B tại vị trí số 13 và N tại vị trí số 20. Sau khi tham gia hội, B là người trực tiếp châu hội cho tôi, nên tôi xác định hội này là của B tham gia, châu tiền hội đầy đủ đến lần mở hội thứ 7, vốn gốc một phần là 8.820.000 đồng x 02 phần = 17.640.000 đồng. Sau khi góp hội của kỳ thứ 7 thì tôi ngưng hội vào tháng 02/2024 âm lịch.

Tổng số tiền hội vốn mà B đã góp cho tôi là 32.660.000 đồng. Sau khi ngưng hội đến ngày 29/02/2024 âm lịch tôi với B có thỏa thuận tôi trả lại vốn hội cho B số tiền 32.660.000 đồng, tôi trả liền cho B 17.000.000 đồng bằng cách tôi đưa cho B 11 triệu đồng tiền mặt; B lấy chỗ chị L đổi diện nhà Bích 2 triệu đồng (do chị L thiếu tôi 2 triệu nên kêu B lấy của chị L) và trừ 4 triệu đồng Bích nợ hội của tôi ở dây hội khác. Số tiền còn lại 15.660.000 đồng, tôi hẹn đến khi bán được heo thì tôi sẽ trả. Đến tháng 6/2024 B đòi tiền nhưng do tôi bán heo chưa được nên hẹn đến tháng 8/2024 tôi trả. Đến tháng 8/2024 tôi bán được heo nên tôi trả Bích 2 triệu đồng, B không đồng ý nhận mà đòi phải trả 5 triệu đồng. Do tôi không có đủ 5 triệu đồng nên không trả cho B được. Vì vậy mà B khởi kiện.

Nguyên nhân tôi ngưng hội là các hội viên hốt rồi không châu, tôi phải châu thay. Lâu dài tôi không còn khả năng châu thay nên tôi ngưng hội.

Tôi xác định hiện nay tôi còn nợ B tiền vốn hội 15.660.000 đồng, 02 danh sách hội mà B cung cấp cho Tòa án là danh sách hội do tôi làm chủ của 02 dây hội nêu trên. Do hiện nay tôi thiếu nợ nhiều người nên tôi không có tiền trả một lần cho B vì vậy tôi xin được trả nhiều lần, khi nào tôi bán được heo, bò thì có bao nhiêu tôi trả bấy nhiêu.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn M vắng mặt

tại phiên toà nhưng có đơn đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt những người nêu trên.

Về giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 18 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, họ, hiệu, phường.

Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 4.000.000 đồng.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị Thùy T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tiền hui vốn gốc 15.660.000 đồng và lãi 8.243.000 đồng. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tiền lãi 15.097.000đồng.

Về án phí: Nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền hội, đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng góp hội” quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn có nơi cư trú tại xã P, huyện P, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.3] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn M vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự nêu trên theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.4] Đối với phần rút yêu cầu của nguyên đơn số tiền 4.000.000đ. Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với các phần rút yêu cầu khởi kiện.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Nguyên đơn cho rằng, nguyên đơn có tham gia 01 phần hội 2.000.000 đồng/tháng, gồm 25 phần, khởi khai ngày 06/02/2023a1, loại hội hoa hồng (có tính lãi hội) do bị đơn làm chủ hội. Nguyên đơn góp hội đầy đủ 13 lần, đến 06/3/2024a1 bị đơn ngưng hội, vốn hội 12 lần là 15.020.000 đồng và lần thứ 13 thì nguyên đơn không nhớ là bao nhiêu.

Ngoài ra, nguyên đơn còn cho rằng nguyên đơn tham gia 02 phần hội 2.000.000 đồng/tháng, gồm 22 phần, khởi khai ngày 20/07/2023al. Trong đó, nguyên đơn tham gia từ đầu 01 phần, còn một phần mua lại của Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn M. đối với phần hội này nguyên đơn đã góp đủ 8 lần với số tiền vốn hội của 7 lần là 17.640.000 đồng và lần thứ 8 thì nguyên đơn không nhớ là bao nhiêu.

[2.2] Bị đơn thừa nhận nguyên đơn có tham gia hội ngày 06/02/2023al góp 12 lần. Đối với đây hội ngày 20/07/2023al, nguyên đơn tham gia 01 phần, còn một phần là của anh Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn M. Việc T1 và M bán hội cho nguyên đơn, bị đơn không biết, nguyên đơn chỉ góp 7 lần.

[2.2] Xét yêu cầu của các nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả vốn và lãi hội 39.000.000đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng đây là hình thức hội có lãi và hưởng hoa hồng, các nguyên đơn không nhớ hết số tiền hội vốn đã góp, tiền lãi hội là số tiền chênh lệch giữa hội sống và hội chết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn cho rằng, đây hội ngày 20/07/2023al nguyên đơn tham gia 01 phần, còn một phần là của anh Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn M, nhưng bị đơn cũng trình bày từ khi nguyên đơn tham gia hội đến khi ngưng hội, nguyên đơn là người trực tiếp góp hội và thỏa thuận với bị đơn. Nên bị đơn đã trả lại vốn hội cho nguyên đơn. Và khi nguyên đơn khởi kiện bị đơn vẫn đồng ý trả phần vốn hội cho nguyên đơn. Điều này cho thấy, mặc dù bị đơn không biết việc nguyên đơn mua 01 phần hội của T1 và M, nhưng sau khi biết được việc mua bán này bị đơn không phản đối, thống nhất thỏa thuận với nguyên đơn trả vốn hội. Cho thấy ý chí của bị đơn đã tiếp nhận việc nguyên đơn mua hội của T1 và M.

Do đó, nguyên đơn đơn yêu cầu bị đơn trả vốn hội là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Về tiền lãi hội, do mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu vượt mức lãi 20%/năm theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 21 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biếu, phưởng, nên cần điều chỉnh tiền lãi trên tổng số tiền vốn góp mà nguyên đơn đã thực nộp cho bị đơn. Cụ thể

Dây hội ngày 06/02/2023al, số tiền lãi là 4.175.000 đồng

Dây hội ngày 20/07/2023al, Số tiền lãi là 2.034.000đồng/phần x 2 phần = 4.064.000 đồng.

Tổng cộng tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 8.243.000 đồng.

[2.4] Từ phân tích trên, căn cứ vào Điều 468 và Điều 471 Bộ luật Dân sự 2015 và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị Thùy T trả cho nguyên đơn số tiền hội và lãi như Kiểm sát viên đề nghị nêu trên.

[3] Về án phí sơ thẩm, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội thì nguyên đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận, bị đơn phải chịu án phí đối với phần nguyên đơn yêu cầu được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 244; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 471 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 18 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, họ, biếu, phường.

Căn cứ Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 4.000.000 đồng.

- ## 2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Nguyễn Thị Thùy T trả cho nguyên đơn tiền hụi vốn 15.660.000 đồng và lãi hụi 8.243.000 đồng. Tổng cộng 23.903.000 đồng.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tiền lãi 15.097.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- #### 4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn phải chịu án phí 755.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.075.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0011548 ngày 31/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nguyên đơn được nhận số tiền còn lại 320.000 đồng.

Bị đơn phải chịu 1.195.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Thị Rõ